TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 17/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 19 -7 - 2018
V/v: "Ly hôn, tranh chấp, Nuôi con, chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Hữu Hà

- *Các Thẩm phán*: Ông Phạm Văn Phấn và bà Lang Thị Duyến.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đặng Thị Bích Hà – Thư ký TAND tỉnh Nghệ An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham dự phiên tòa*:**

Bà Nguyễn Thị Phương Nam - Kiểm sát viên

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 11/2018/TLPT- HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung" do Bản án số 31/2017 HNGĐ-ST ngày 27/9/2017 của TAND huyện Quỳnh Lưu bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐPT-DS ngày 06 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Hồ Bá T, sinh năm 1978. Có mặt

Địa chỉ: Xóm 4, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của anh T:

- Luật sư Hoàng Thị Nhân, Văn phòng Luật sư Hương Thảo. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Chị Hồ Thị Â, sinh năm 1978. Có mặt

Địa chỉ: Xóm 4, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Nơi tạm trú: Nhà anh T, xóm 9, xã Q, huyện Q, N.A.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị Â:

- Luật sư Phạm Thành Công , Văn phòng Luật sư Nguyễn Đức Linh AHCM,

Chi nhánh Hoàng Mai. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

- Chị Hồ Thị T, sinh năm 1982 – vắng mặt

Trú tại: Xóm Đồng Song, xã Nghĩa Yên, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Anh Hồ Đình Đường, sinh năm 1969 – vắng mặt

Trú tại: thôn 4, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- Chị Hồ Thị Th – vắng mặt

Trú tại: thôn 4, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- Ông Hồ Xuân Đ – vắng mặt

Trú tại: Xóm 1, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- Anh Nguyễn Đình T – vắng mặt

Trú tại: Thôn 14, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An

Người đại diện theo ủy quyền cho anh Nguyễn Đình T:

Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1971 – Vắng mặt

Trú tại: Thôn 14, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- Ông Hồ Bá T, sinh năm 1940 – vắng mặt

Bà Đậu Thị T, sinh năm 1945 – vắng mặt

Đều trú tại: Thôn 4, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Đậu Thị T:

Ông Hồ Bá T, sinh năm 1940– vắng mặt

Trú tại: Thôn 4, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- Anh Phạm Minh T, sinh năm 1970 – vắng mặt

- Chị Hồ Thị N (vợ anh T)– vắng mặt

Đều trú tại: xóm 9, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- Anh Nguyễn Song H – vắng mặt

Trú tại: Xóm 6, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- Anh Hồ Văn L – vắng mặt

Trú tại: xóm 9, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp và tín dụng T

Địa chỉ: Xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Bá L – Chức vụ: Giám đốc HTX

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Xuân T - Chức vụ: Phó giám đốc HTX – Vắng mặt.

- Bà Hồ Thị Ă, sinh năm 1956 – Vắng mặt

Trú tại: thôn 4, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- Ông Hồ Văn T, sinh năm 1952– vắng mặt

Trú tại: xóm 16, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- Anh Nguyễn Khắc H, sinh năm 1977 – vắng mặt

Trú tại: Xóm 3, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An

- Anh Hồ Bá Tr, sinh năm 1982 – Vắng mặt

Địa chỉ: Xóm 4, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An

- Ông Hồ Văn L, sinh năm 1952 – Vắng mặt

Trú tại: Xóm 9, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Người kháng cáo: chị Hồ Thị Â là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2017, và các lời khai tại Tòa án cũng như quá trình tố tụng nguyên đơn là anh Hồ Bá T trình bày:

- Về tình cảm: Anh và chị Hồ Thị Â đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An vào ngày 02/11/2000 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do nợ nần, cuộc sống gặp nhiều khó khăn, từ đó tình cảm vợ chồng bắt đầu nảy sinh nhiều cãi vã, đã được gia đình cùng chính quyền hòa giải nhưng không thể hàn gắn được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể sống chung với nhau được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hồ Thị Â.

- Về con: Vợ chồng có 03 con chung là Hồ Thị H sinh ngày 15/4/2002, Hồ Thị D sinh ngày 19/6/2004, Hồ Thị N sinh ngày 05/11/2007. anh T có nguyện vọng được nuôi cháu N và cháu N, nếu được nuôi 01 con thì anh có nguyện vọng được nuôi cháu N.

- Về tài sản: Quá trình chung sống vợ chồng có khối tài sản chung là 360 m^2 đất đã được cấp giấy CNQSDĐ sốBQ 255949 ngày 28/10/2013 tại xóm 4, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An, trên đất có nhà ống lợp ngói, 01 xe máy, 01 bộ bàn ghế, 01 chiếc tivi, 01 bếp gas và 01 chiếc giường, nhà cấp 4 cũ, giếng nước, nhà chăn nuôi.

Nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng có nợ một số người sau: nợ chị Hồ Thị Th số tiền 10.000.000đ; nợ chị Hồ Thị T số tiền 4.000.000đ; nợ anh Hồ Đình Đ số tiền 8.000.000đ, nợ ông Hồ Văn T số tiền 5.000.000đ, nợ bà Hồ Thị Ă (chi hội người cao tuổi thôn 4, xã Q) số tiền 2.500.000đ chưa tính tiền lãi suất; nợ HTX dịch vụ nông nghiệp và tín dụng T số tiền 50.000.000đ (trong đó vợ chồng đã sử dụng hết 40.000.000đ, còn 10.000.000đ cho anh Hồ Xuân Đ vay); nợ anh Nguyễn Đình T số tiền 8.520.000đ, nợ tiền cát anh Nguyễn Khắc H số tiền 800.000đ; nợ vật liệu xây dựng anh Nguyễn Song H số tiền 2.500.000đ; nợ anh Hồ Văn L số tiền 9.000.000đ; nợ vợ chồng anh Phạm Minh T và chị Hồ Thị N số tiền 10.000.000đ; nợ anh Hồ Bá T 10.000.000đ; anh T đã trả tiền lãi suất cho các chủ nợ từ khi chị Â bỏ đi đến nay là 15.000.000 đồng.

Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được nhận toàn bộ tài sản nhà, đất và tự mình chịu trách nhiệm trả tất cả số nợ trên. Hoàn trả cho chị Â số tiền chênh lệch về tài sản.

Bị đơn là chị Hồ Thị Â trình bày:

Về tình cảm: Chị thống nhất về thời gian chung sống và đã đăng ký kết hôn như anh T trình bày. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, hạnh phúc đến cuối năm 2014 vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn là do tính tình không hợp dẫn đến cãi vã. Nay tình cảm giữa vợ chồng không còn, anh T xin ly hôn thì chị đồng ý.

Về con: Vợ chồng có 3 con chung. Ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cả 03 con chung. Tại phiên tòa chị trình bày trường hợp nếu chỉ được nuôi 01 con thì chị nuôi cháu nào cũng được. Nếu chị được nuôi hai con thì anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi một con 500.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng có khối tài sản chung đã kê khai và định giá. Trong quá trình giải quyết vụ án chị có nguyện vọng chia đôi tài

sản và nhận số tiền chênh lệch giá trị tài sản. Tại phiên tòa chị có nguyện vọng được nhận tài sản nhà và đất, chị giao lại tiền chênh lệch cho anh T.

Về nợ: Quá trình chung sống chị thống nhất vợ chồng có nợ một số người như anh T kê khai, chị không thừa nhận khoản nợ anh Nguyễn Song H 2.500.000đ và nợ của HTX tín dụng Q chỉ 20.000.000đ. Nếu ly hôn chị yêu cầu giải quyết phân chia tài sản theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa chị Â thừa nhận trong thời gian ly thân anh T đã trả nợ 15.000.000 đồng tiền lãi suất. Tại phiên tòa chị Â đề nghị giao khoản nợ của anh T, chị N cho chị trả nợ vì có quan hệ anh em với chị, còn các khoản nợ khác là anh em, bạn bè với anh T nên giao cho anh T trả nợ.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Về số nợ nhất trí như vợ chồng anh T, chị Â đã kê khai nay ly hôn yêu cầu họ trả.

Ông Hồ Văn L (bố chị Â) có đơn trình bày: yêu cầu anh T và chị Â phải trả tiền nuôi cả 3 cháu ăn học trong 3 năm 58.800.000 đồng.

Tại Biên bản định giá ngày 31/8/2017 Hội đồng định giá tài sản huyện Quỳnh Lưu đã định giá tài sản chung của anh T và chị Â có giá trị như sau: Thửa đất số 285 tờ bản đồ số 10(127-65) diện tích 360m^2. Đất ở có diện tích 200m^2 x 700.000đ/m^2 = 140.000.000 đồng, đất vườn có diện tích 160m^2 x 350.000đ/m^2 = 56.000.000đồng

- Nhà cấp 4, mái lợp ngói, tường xây sò táp lô, nền lát gạch liên doanh có diện tích 103m^2 x 900.000đ/m^2= 92.700.000đ; nhà bếp mái lợp tôn, tường xây táp lô có diện tích 29m^2 giá trị 11.500.000đ. Nhà ở cấp 4 đã cũ không sử dụng, mái lợp ngói, nền láng ximăng, tường xây táp lô có giá trị 800.000đ; bộ bàn ghế đã qua sử dụng có giá trị 500.000đ; 02 chiếc giường mỗi chiếc giá trị 200.000đ; xe máy đã cũ hư hỏng không sử dụng giá trị 500.000đ; Giếng nước xây đá giá trị 1.500.000đ. 01 tivi và bếp gas đã hư hỏng không định giá.

Với nội dung trên Bản án số 31/2017 HNGĐ-ST ngày 27/9/2017 của TAND huyện Quỳnh Lưu đã Quyết định:

Áp dụng: Điều 33, 55, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH13.

Xử: 1. Về tình cảm: Công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Hồ Bá T và chị Hồ Thị Â.

2. Về con chung: Giao cháu Hồ Thị D sinh ngày 19/6/2004 cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con Hồ Thị Diện cho chị Â vì anh T không yêu cầu.

Giao cháu Hồ Thị H sinh ngày 15/4/2002 và cháu Hồ Thị Nhàn sinh ngày 05/11/2007 cho chị Â trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con Hồ Thị N mỗi tháng 500.000 đồng kể từ tháng 9/2017 cho đến khi con chung trưởng thành.Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con Hồ Thị H cho anh T vì chị Â không yêu cầu.

Anh T và chị Â đều có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản:

3.1 Giao cho anh T được quyền sử dụng thửa đất số 285 tờ bản đồ số 10(127-65) diện tích 360m^2 trong đó 200m^2 đất ở và 160m^2 đất vườn trị giá 196.000.000 đồng tại thôn 4, xã Q, huyện Q đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 255949 ngày 28/10/2013 cấp cho anh Hồ Bá T và chị Hồ Thị Â, có tứ cận phía Bắc giáp đường 48E có số đo 18m; phía Nam giáp đất Lâm nghiệp gia đình ông Nguyễn Khắc L có số đo 18m; phía Đông giáp đất gia đình bà Hồ Thị Xuân có số đo 20m; phía tây giáp đất gia đình anh Hồ Bá T có số đo 20m. Anh T chịu trách nhiệm làm các thủ tục về chuyển quyền sử dụng đất.

Giao cho anh T được quyền sở hữu các tài sản gắn liền với đất gồm 01 nhà cấp 4, mái lợp ngói, tường xây sò táp lô, nền lát gạch liên doanh có diện tích 103m^2 trị giá 92.700.000đ; nhà bếp mái lợp tôn, tường xây táp lô có diện tích 29m^2 trị giá 11.500.000đ. Nhà ở cấp 4 đã cũ không sử dụng, mái lợp ngói, nền láng ximăng, tường xây táp lô có giá trị 800.000đ; bộ bàn ghế đã qua sử dụng có giá trị 500.000đ; 02 chiếc giường giá trị 400.000đ; xe máy đã cũ hư hỏng không sử dụng giá trị 500.000đ; Giếng xây đá giá trị 1.500.000đ. Tổng toàn bộ giá trị tài sản 303.900.000 đồng.

Buộc anh T chịu trách nhiệm trả nợ cho những người sau: Trả cho chị Hồ Thị Th 10.000.000 đồng và anh Hồ Đình Đ 8.000.000đồng; trả nợ chị Hồ Thị T 4.000.000đồng; ông Hồ Văn T 5.000.000đồng, anh Nguyễn Đình T 8.520.000đồng; anh Hồ Bá T 10.000.000đồng, anh Hồ Văn L 9.000.000đồng khi có yêu cầu, bà Hồ Thị Ă 2.825.000đồng; anh Nguyễn Khắc H 800.000 đồng; anh T có nghĩa vụ trả nợ HTX dịch vụ nông nghiệp và tín dụng Tân Tiến 40.000.000 đồng, kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án thời hạn vay và tiền lãi suất được tính theo hợp đồng tín dụng số 13/HĐ/HTX/2016 ngày 25/5/2016 đã ký giữa anh Hồ Bá T và HTX dịch vụ nông nghiệp và tín dụng Tân Tiến.

Anh T phải giao lại cho chị Â do nhận quá giá trị tài sản được hưởng 108.377.500 đồng (Đã trừ 2.000.000 đồng chi phí tố tụng).

3.2 Chị Hồ Thị Â được quyền sở hữu 108.377.500 đồng (Đã trừ 2.000.000 đồng chi phí tố tụng) anh T giao lại do nhận quá giá trị tài sản được hưởng. Chị Â có nghĩa vụ phải trả nợ cho vợ chồng anh Phạm Minh T và chị Hồ Thị N 10.000.000 đồng;

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Hồ Bá T chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, 5.018.800 đồng án phí chia tài sản và 2.578.600 đồng án phí trả nợ chung, 1.000.000 đồng án phí trả nợ riêng. Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 4.125.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003085 ngày 29/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu. Anh T còn phải nộp 5.072.400 đồng. Chị Â phải nộp 5.018.800 đồng án phí chia tài sản chung và 2.578.600 đồng án phí trả nợ chung.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành và quyền kháng cáo.

Ngày 02/10/2017, chị Hồ Thị Â làm Đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại vụ án, đánh giá lại tài sản chung của vợ chồng, xem xét khoản tiền 80.000.000đ chị bỏ ra nuôi 3 con sau khi ly thân, nguyện vọng của chị xin được nuôi cả 3 con, nhận nhà, đất ở và toàn bộ tài sản để nuôi con.

Ngày 02/10/2017 cháu Hồ Thị D (*được giao cho anh T nuôi*) làm đơn đề nghị với nội dung: Cháu xin được ở với mẹ vì bố không có trách nhiệm nhưng Tòa án huyện Quỳnh Lưu giao cháu cho bố nuôi là không hợp lý, cháu đang ở với mẹ và học ở bên ngoại nên để cháu trở thành công dân tốt thì đề nghị cho cháu được ở với mẹ.

Ngày 18/10/2017 chị Â có Đơn kháng cáo bổ sung với nội dung: Tòa án định giá chưa khách quan, chưa phù hợp giá thị trường về giá trị nhà, đất. Đề nghị giao cả 3 con chung cho chị nuôi theo nguyện vọng của các con.

Ngày 22/5/2018 chị Â có đơn yêu cầu thẩm định và định giá, sau đó chỉ yêu cầu thẩm định mà không yêu cầu định giá lại.

Ngày 14/6/2018 TAND huyện Quỳnh Lưu tiến hành thẩm định có nội dung:

Thửa đất số 285 có diện tích 360m^2 (18x20) đo cụ thể phần đất có nhà cấp 4 có phía bắc giáp QL 48E 6m, phía nam giáp đất lâm nghiệp 5,5m dài 20m trên đất có nhà cấp 4 cũ, giếng nước, nhà chăn nuôi. Phần đất có nhà cấp 4 mới xây là 8,26m x 8,26m. Phần đất trống phía tây của nhà mới là 3,74m x 4,24m.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Â giữ nguyên nội dung kháng cáo về nuôi con và chia tài sản, rút một phần kháng cáo: Không yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét về khoản tiền chị đã ra 80 triệu để nuôi con và đề nghị cấp phúc thẩm xem xét: Giao cả 3 con chị nuôi, yêu cầu anh cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ, về hiện vật giao phần đất có nhà cũ với 6 m mặt đường 48E cho chị nhận.

Người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn đề nghị: Cả 3 con đang ở với mẹ, cuộc sống ổn định, anh T thiếu trách nhiệm nên cần giao cho chị nuôi. Tài sản đề nghị giao 115m^2 đất phía đông cho chị để ở nuôi con.

Anh T và người bảo vệ quyền lợi cho anh T đề nghị: Anh có quyền làm bố, chị nuôi cả 3 con thì sẽ gặp nhiều khó khăn nên giao 1 con cho anh nuôi, cháu nào cũng được. Nguyện vọng của chị có đất ở là đúng nên thống nhất: Chị nhận 115m^2 đất phía đông có nhà ngói cũ và anh bù chênh lệch tài sản cho chị. Mỗi người có 100m^2 đất ở.

Về án phí chia tài sản: Hai bên có đơn đề nghị miễm giảm án phí vì hoàn cảnh, kinh tế khó khăn nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm một phần án phí.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, của nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo hợp lệ.

Về nội dung: Căn cứ vào thực tế chị đang nuôi con, nên giao cả 3 con cho chị là phù hợp. Về tài sản các bên đã thỏa thuận giao 115m^2 đất cho chị là tự nguyện, đúng pháp luật cần chấp nhận, cân đối lại tài sản để anh phải bù chênh lệch theo quy định.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét , kết quả tranh tụng, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát và các đương sự, người bảo vệ quyền lợi cho các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn là chị Â làm đơn kháng cáo. Nội dung, hình thức và thời hạn nộp đơn kháng cáo đúng quy định của pháp luật nên kháng cáo hợp lệ. Tòa án tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án theo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

Xét nội dung kháng cáo của Chị Â :

Về việc nuôi con: Chị Â xin được nuôi 3 con, yêu cầu anh T cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ với lý do chị nuôi 3 con từ khi ly thân (năm 2014) đến nay, các cháu sống và học tập ở bên ngoại, anh T thiếu quan tâm. Cháu D sinh năm 2004 được Tòa án sơ thẩm giao cho anh nuôi nhưng nguyện vọng cháu đề nghị xin được ở với mẹ. Xét nguyện vọng của chị và cháu là chính đáng nhưng xét thấy anh T cũng tha thiết được nuôi con, giao cả 3 cháu cho chị nuôi trong khi chị chưa có chỗ ở ổn định, lao động tự do, thu nhập không ổn định nên cũng khó khăn, khó đảm bảo quyền lợi cho con nên giao cháu D cho anh nuôi như cấp sơ thẩm đã giao là phù hợp. Sau này cháu không ở với anh hoặc điều kiện thay đổi chị Â có quyền xin thay đổi vị trí nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu kháng cáo về việc xin nhận tài sản bằng hiện vật. Xét thấy thửa đất rộng, đảm bảo phân chia được, tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự cũng thống nhất chị Â nhận phần đất có nhà cũ, giếng, công trình chăn nuôi với diện tích đất 115m^2 (6m + 5,5m /2 x 20m) trong đó có đất ở 100m^2 là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên cần chấp nhận. Tổng giá trị tài sản chị Â được nhận là 77.575.000đ.

Về nợ, về chia đôi giá trị tài sản các bên không kháng cáo, cấp sơ thẩm đã đánh giá, chấp nhận phù hợp nên cấp phúc thẩm không xem xét lại.

Cân đối tài sản thì anh T còn phải bù chênh lệch tài sản cho chị Â là 32.450.000đ.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Về án phí chia tài sản, các bên hoàn cảnh kinh tế khó khăn, phải trả nợ nhiều, các đương sự đã có đơn xin miễn giảm được UBND xã xác nhận cần giảm 1/2 án phí chia tài sản và trả nợ cho các đương sự.

Căn cứ nhận định trên: Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Â và sửa án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hợp tình, hợp lý.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của chị Â được chấp nhận một phần nên chị không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 33, 59, 61, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH13 về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Hồ Thị Â, Giữ nguyên Bản án sơ thẩm về phần nuôi con. Sửa Bản án sơ thẩm về phần phân chia tài sản và án phí.

Xử:

1. Về con chung: Giao cháu Hồ Thị D sinh ngày 19/6/2004 cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con Hồ Thị D cho chị Â vì anh T không yêu cầu.

Giao cháu Hồ Thị H sinh ngày 15/4/2002 và cháu Hồ Thị N sinh ngày 05/11/2007 cho chị Â trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con Hồ Thị N mỗi tháng 500.000 đồng kể từ tháng 9/2017 cho đến khi con chung trưởng thành.Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con Hồ Thị H cho anh T vì chị Â không yêu cầu.

Anh T và chị Â đều có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2. Về tài sản:

2.1- Giao cho anh Hồ Bá T được quyền sử dụng: 245m^2 đất (trong đó 100m^2 đất ở và 145m^2 đất vườn) trị giá 120.075.000 đồng tại thửa đất số 285 tờ bản đồ số 10(127-65) xóm 4, xã Q, huyện Q đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 255949 ngày 28/10/2013 cấp cho anh Hồ Bá T và chị Hồ Thị Â, có tứ cận phía Bắc giáp đường 48E có số đo 12m; phía Nam giáp đất lâm nghiệp của gia đình ông Nguyễn Khắc Lâm có số đo 12,5m; phía Đông giáp đất chị Hồ Thị Â có số đo 20m; phía tây giáp đất gia đình anh Hồ Bá T có số đo 20m.

Giao cho anh T được quyền sở hữu các tài sản gắn liền với đất gồm 01 nhà cấp 4, mái lợp ngói, tường xây sò táp lô, nền lát gạch liên doanh có diện tích 103m^2 trị giá 92.700.000đ; nhà bếp mái lợp tôn, tường xây táp lô có diện tích 29m^2 trị giá 11.500.000đ; 1bộ bàn ghế đã qua sử dụng có giá trị 500.000đ; 02 chiếc giường giá trị 400.000đ; xe máy đã cũ hư hỏng không sử dụng giá trị 500.000đ. Tổng toàn bộ giá trị tài sản 225.675.000 đồng.

Buộc anh T chịu trách nhiệm trả nợ cho những người sau: Trả cho chị Hồ Thị Th 10.000.000 đồng và anh Hồ Đình Đ 8.000.000đồng; trả nợ chị Hồ Thị T 4.000.000đồng; ông Hồ Văn T 5.000.000đồng, anh Nguyễn Đình T 8.520.000đồng; anh Hồ Bá T 10.000.000đồng, anh Hồ Văn L 9.000.000đ (khi có yêu cầu), bà Hồ Thị Ă 2.825.000đồng; anh Nguyễn Khắc H 800.000 đồng; anh T có nghĩa vụ trả nợ HTX dịch vụ nông nghiệp và tín dụng T 40.000.000 đồng, kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án thời hạn vay và tiền lãi suất được tính theo hợp đồng tín dụng số 13/HĐ/HTX/2016 ngày 25/5/2016 đã ký giữa anh Hồ Bá T và HTX dịch vụ nông nghiệp và tín dụng T.

Anh T phải giao lại cho chị Â do nhận quá giá trị tài sản được hưởng là: 32.450.000đ (Ba mươi hai triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng). (Đã trừ 2.000.000 đồng chi phí tố tụng).

2.2 - Giao cho chị Hồ Thị Â được quyền sử dụng: 115m^2 đất (trong đó 100m^2 đất ở và 15m^2 đất vườn) trị giá 75.275.000 đồng tại thửa đất số 285 tờ bản đồ số 10(127-65) thôn 4, xã Q, huyện Q đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 255949 ngày 28/10/2013 cấp cho anh Hồ Bá T và chị Hồ Thị Â, có tứ cận phía Bắc giáp đường 48E có số đo 6m; phía Nam giáp đất lâm nghiệp của gia đình ông Nguyễn Khắc L có số đo 5,5m; phía Tây giáp đất anh T có số đo 20m; phía đông giáp đất gia đình bà Hồ Thị X có số đo 20m.

Giao cho Chị Â được quyền sở hữu các tài sản gắn liền với đất gồm: Nhà ở cấp 4 đã cũ không sử dụng, mái lợp ngói, nền láng ximăng, tường xây táp lô có giá trị 800.000đ; Giếng xây đá giá trị 1.500.000đ, công trình chăn nuôi không có giá trị sử dụng. Tổng giá trị tài sản 77.575.000 đồng và được nhận: 32.450.000đ (Ba mươi hai triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng) (*Đã trừ 2.000.000 đồng chi phí tố tụng*) tiền chêch lệch giá trị tài sản do anh T giao lại. Chị Â có nghĩa vụ phải trả nợ cho vợ chồng anh Phạm Minh T và chị Hồ Thị N 10.000.000đồng.

Anh T, chị Â có quyền, nghĩa vụ đăng ký lại quyền sử dụng đất tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Hồ Bá T chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, 2.000.000đ (Hai triệu) án phí chia tài sản và 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) án phí trả nợ chung, 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) án phí trả nợ riêng. Tổng cộng án phí: 4.350.000đ được khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 4.125.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003085 ngày 29/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu. Anh T còn phải nộp 225.000 đồng.

Chị Â phải nộp: 2.000.000đ(Hai triệu) án phí chia tài sản và 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn) án phí trả nợ chung.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Hồ Thị Â không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho chị Â tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004744 ngày 02/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu.

5. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực (đối với trường hợp thi hành án chủ động) hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, các khoản tiền phải thi hành phải chịu tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Quỳnh Lưu;
- Chi Cục THADS h. Quỳnh Lưu.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Hà